

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

CƯ DÂN TRONG VÙNG DI TÍCH: LỊCH SỬ, HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CỦA THỪA THIÊN HUẾ

Phan Thanh Hải*

1. Đặt vấn đề

Dân cư sống trong vùng di tích là một vấn đề lớn của nhiều địa phương tại Việt Nam hiện nay. Riêng với Huế, vấn đề này càng có ảnh hưởng to lớn do đây là một đô thị lịch sử với những hệ thống di tích dày đặc. Dân cư sống trong vùng di tích của Huế không những có số lượng lớn, phân bố trong không gian rộng mà còn có một lịch sử hình thành rất đặc thù. Vấn đề dân cư trong vùng di tích cũng có tác động không nhỏ đến môi trường khu di tích và chính sách của chính quyền địa phương. Bài viết dưới đây là một nghiên cứu bước đầu về lịch sử hình thành, hiện trạng cùng những xu thế biến đổi của cư dân trong vùng di tích của đô thị Huế. Trên cơ sở đó, chúng tôi cũng nêu lên một số suy nghĩ cùng những giải pháp cho vấn đề trên.

2. Lịch sử hình thành dân cư trong vùng di tích

Trước hết cần thấy rằng, khái niệm vùng di tích tại Huế rất rộng và đã có sự thay đổi qua thời gian.

2.1. Trước năm 1945, khi Huế còn đóng vai trò kinh đô của cả nước, hầu hết các công trình kiến trúc do triều Nguyễn xây dựng và quản lý đều chưa phải là di tích. Tình hình dân cư sống trong các khu vực này có sự khác biệt rất rõ:

- Khu vực gắn liền với Kinh Thành (chủ yếu là bên trong) có đông đảo dân cư sinh sống. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 1960, tr. 17), khoảng giữa thế kỷ XIX đã có 95 phường. Dân cư sống trong Kinh Thành chủ yếu là đội ngũ quan lại cùng gia đình họ, đội ngũ thợ thủ công chất lượng cao từ các địa phương quy tập về, binh lính và những người phục vụ... Tuy nhiên triều Nguyễn có quy hoạch rất chi tiết cho khu vực trong Kinh Thành, vì đây cũng là khu vực tập trung nhiều cơ quan của triều đình và các cơ sở khác.⁽¹⁾ Mặt khác, việc quản lý toàn bộ hệ thống tường thành, sông hộ thành, hào hộ thành, Ngự Hà cùng hệ thống hồ ao bên trong cũng như bên ngoài thành được trực tiếp giao cho Giám Thành Vệ (thuộc Hộ Thành Bình Mã Sứ Ty, sau đổi thành Hộ Thành Nha)

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

nên được tiến hành rất chặt chẽ. Chắc chắn hồi ấy không có dân cư sống trên thượng thành, bờ hào, hai bên kè của Ngự Hà cùng các hồ ao. Chỉ đến giai đoạn cuối của triều Nguyễn, khi dân cư trở nên đông đảo thì mới có chuyện triều đình cho phép người dân được sinh sống trong khu vực các Eo Bầu của Kinh Thành.⁽²⁾



Góc tây bắc Kinh Thành Huế năm 1924, lúc này dân cư trong Kinh Thành còn thưa thớt, nhưng bên ngoài Hộ Thành Hào đã bị đô thị hóa (Ảnh BAVH, 1924).

- Đối với các khu lăng tẩm của chúa Nguyễn, vua Nguyễn cùng các miếu đàn, công trình của triều đình bên ngoài Kinh Thành như đàn Nam Giao, đàn Sơn Xuyên, Khải Thánh Từ, Văn Miếu, Võ Miếu, Hồ Quyền, cung An Định... đều được khoanh vùng bảo vệ và trong giai đoạn đầu gần như không có dân cư sinh sống bên trong vành đai bảo vệ. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, do những biến động to lớn của lịch sử và triều Nguyễn đã bị phụ thuộc vào chính quyền thực dân Pháp, không còn khả năng quản lý hệ thống kiến trúc cung đình như trước kia thì tại các khu vực này dân cư đã bắt đầu sinh sống. Thậm chí, tại các vùng bên ngoài lăng tẩm vua Nguyễn, như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Tự Đức... còn xuất hiện các thôn làng với số lượng dân cư ngày càng đông đúc. Dân cư ở đây ban đầu phần lớn có nguồn gốc từ những người lính hộ lăng.⁽³⁾ Về sau, dân cư các vùng lân cận cũng chuyển đến sinh sống cộng cư, tạo thành thôn xóm.⁽⁴⁾

2.2. Từ năm 1945 đến năm 1975, triều Nguyễn chấm dứt vai trò lịch sử, toàn bộ hệ thống kiến trúc cung đình trở thành di tích lịch sử, việc quản lý quần thể di tích trên thuộc về chính quyền miền Nam. Do tình hình chiến tranh và sự tác động của nhiều yếu tố chính trị, xã hội khác, việc quản lý các khu di tích không được chặt chẽ và hiệu quả. Đây chính là giai đoạn dân cư tràn vào sinh sống trong các khu di tích một cách ồ ạt; chính quyền sở tại

bất lực, thậm chí có nơi còn tiếp tay cho quá trình trên. Không ít di tích đã bị tàn phá, thậm chí bị xóa sổ hoàn toàn. Cụ thể như sau:

- *Khu vực Kinh Thành*: Ngoại trừ khu vực Hoàng cung (Hoàng Thành và Tử Cấm Thành), còn các công trình khác đều bị chiếm dụng cho mục đích khác, như dùng làm trụ sở của các cơ quan công quyền (Cơ Mật Viện, Lục Bộ, Quốc Sử Quán...), dùng làm trường học (Quốc Tử Giám), dùng làm nhà ở... Ngay cả những di tích quan trọng cũng bị chiếm dụng hoặc bị tàn phá nặng nề, như khu đàn Xã Tắc được trưng dụng để xây khu gia binh, khu vực Tịch Điền và đàn Tiên Nông bị phá hủy đến mất cả dấu vết... Trong các năm 1968, 1972, hàng ngàn người dân tản cư từ Quảng Trị chạy vào Huế đã tràn lên sống ở các khu vực Eo Bầu, thượng thành (bên trong) và chân thành (bên ngoài) của Kinh Thành. Có thể nói đây chính là thời kỳ dân cư tràn vào sống trong khu vực di tích Kinh Thành ồ ạt nhất và với số lượng đông đúc nhất.



Kinh Thành Huế nhìn từ góc đông bắc năm 1967. Khi ấy, dân cư trong thành đã rất đông đúc. Khu vực Mang Cá Nhỏ vốn là khu quân sự cũng đã có đông dân cư sinh sống

- *Các khu vực bên ngoài Kinh Thành*: Tại các di tích bên ngoài Kinh Thành, tình trạng dân cư tràn vào lấn chiếm các khu di tích cũng diễn ra rất phổ biến. Quanh khu vực chùa Thiên Mụ, Văn Miếu, Võ Miếu xuất hiện khá nhiều hộ dân đến sinh sống, nhất là khu vực giáp bờ sông Hương từ chùa Thiên Mụ đến Võ Miếu. Ở khu miếu Lịch Đại Đế Vương và miếu thờ Lê Thánh Tôn, dân cư (chủ yếu là các hộ dân di cư sau năm 1954) đã chiếm cứ và gần như xóa sổ hoàn toàn hai di tích này.

Các khu vực khác như Hồ Quyền, điện Voi Ré, đàn Nam Giao, Trấn Hải Thành... dân cư đã lấn sát vào di tích, có chỗ còn xâm hại nghiêm trọng đến các công trình và tác động mạnh mẽ vào môi trường cảnh quan bao quanh di tích (lấy gạch đá, chặt cây cối...). Tại cung An Định thì rất

đồng hộ dân vào sống ngay bên trong Khải Tường Lâu và các công trình phụ thuộc cung, nhất là sau năm 1968...

Tại các khu lăng mộ của chúa Nguyễn, vua Nguyễn, hiện tượng dân cư lấn vào chiếm đất diễn ra rất phổ biến. Một số lăng mộ ở xa như cụm lăng Gia Long, lăng chúa Nguyễn Hoàng, do nằm trong vùng tranh chấp nên gần như bị bỏ hoang phế.

2.3. Từ năm 1975 đến 1981, do điều kiện mới giải phóng, cuộc sống còn vô vàn khó khăn, hơn thế, do cái nhìn định kiến về triều Nguyễn nên quần thể di tích cung đình Nguyễn được quản lý không tốt. Tình trạng lấn chiếm, phá hoại di tích vẫn diễn ra khá thường xuyên, thậm chí có cả việc đào các lăng mộ vua chúa nhà Nguyễn để hôi của. Tình trạng dân cư lấn chiếm và sinh sống trong khu di tích diễn ra còn nặng nề hơn cả thời kỳ trước. Ngay trong khu vực Đại Nội cũng có cả trường học, xí nghiệp và dân cư sinh sống dù di tích này đã được đặc cách công nhận là di tích cấp quốc gia từ năm 1979.⁽⁵⁾

2.4. Từ năm 1982 đến nay, tình hình quản lý khu di tích Huế được cải thiện theo chiều hướng rất tích cực. Tháng 5/1982, Công ty Quản lý Di tích Lịch sử và Văn hóa Huế (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập và đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh Bình Trị Thiên và Bộ Văn hóa-Thông tin. Năm 1992, Công ty đổi tên thành Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (sau đây gọi tắt là Trung tâm) với chức năng và nhiệm vụ ngày càng mở rộng. Trong những năm 1990-1991, Công ty đã tiến hành khảo sát và xây dựng hệ thống bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích cho hầu hết các khu di tích cung đình Huế. Hệ thống bản đồ này đã được các cấp chính quyền từ phường xã đến Bộ Văn hóa-Thông tin lúc bấy giờ thừa nhận và phê duyệt. Dựa vào hệ thống bản đồ trên, việc quản lý các khu di tích đã được tiến hành bài bản hơn (trên cơ sở pháp lý là Pháp lệnh Bảo vệ di tích ban hành năm 1984). Cũng từ đây, vấn đề giải tỏa các cơ quan, xí nghiệp nhà nước và dân cư trong khu vực I bảo vệ di tích đã được đề cập.

Trên cơ sở đó, năm 1992, bộ hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO công nhận khu di tích Huế thành Di sản Văn hóa Thế giới đã được Trung tâm đầu tư xây dựng. Ngày 11/12/1993, Quần thể di tích cố đô Huế chính thức được ghi tên vào Danh mục Di sản Thế giới. Sự kiện này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và có tác động rất lớn đến chiến lược phát triển của Thừa Thiên Huế. Tháng 2/1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phê duyệt dự án *Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010*, trong đó có nội dung giải tỏa các hộ dân cư trong vùng bảo vệ I di tích, tôn tạo môi trường cảnh quan nhằm từng bước trả lại cho các khu di tích tình trạng nguyên thủy. Để thực hiện nội dung này, trong các năm 1997, 1999, 2003, Trung tâm đã tổ chức khảo sát điều tra tình trạng dân cư trong các khu vực I di tích để xây dựng chương trình giải tỏa dân cư và tôn tạo di tích.⁽⁶⁾ Từ năm 2003 đến nay, Trung tâm lại tiến hành nghiên cứu và điều chỉnh hệ thống khoanh vùng bảo vệ di tích theo Luật Di sản Văn hóa.

Tỉnh, thành phố Huế và Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế đã có nhiều nỗ lực trong việc bố trí lại các nhà máy, cơ sở sản xuất ảnh hưởng đến di tích và giải tỏa các hộ dân cư sống trong khu vực I di tích, nhất là những khu vực ảnh hưởng trực tiếp đến diện mạo cảnh quan đô thị. Thành công lớn nhất là việc đưa được các nhà máy sản xuất ra khỏi khu vực Kinh Thành (Xí nghiệp in trong Đại Nội, nhà máy dệt...) và giải tỏa, tái định cư cho hơn 300 hộ dân ở khu vực Bến Me và sát Hộ Thành Hào. Trong các năm 2005-2007, lại giải tỏa được phần lớn các hộ dân cư sống tại khu vực thượng thành và Eo Bầu từ cửa Đông Nam (cửa Thượng Tứ) đến cửa Chánh Nam (cửa Nhà Đò), và hiện đang quyết tâm giải phóng toàn bộ khu vực mặt nam của Kinh Thành.

Tuy nhiên, sau khi Việt Nam cải cách và mở cửa, với sự phát triển của nền kinh tế cùng xu hướng đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, áp lực phát triển dân cư cùng các công trình mới đối với các khu vực di tích ngày càng trở nên nặng nề. Riêng trong Kinh Thành Huế, dù thành phố đã đề ra quyết tâm đến năm 2005 sẽ giảm tổng số dân cư trong khu vực này xuống còn 45.000 người, nhưng thực tế dân số không giảm mà ngược lại còn tăng lên với tốc độ rất nhanh; đến cuối năm 2007 đã có trên 80.000 người! Cư dân trong khu vực I di tích cũng không hề giảm mà vẫn tăng lên, nhất là tại các khu vực thượng thành và Eo Bầu, hai bên bờ Ngự Hà, hồ Tịnh Tâm, lầu Tàng Thơ, đàn Xã Tắc... Sau cơn lũ lịch sử năm 1999, thành phố Huế gần như không quản lý được tình trạng xây dựng và nâng tầng của hàng trăm hộ dân sống bên trong Kinh Thành.

3. Hiện trạng, xu thế biến đổi và những ảnh hưởng của dân cư đối với môi trường di tích và chính sách phát triển của Thừa Thiên Huế

3.1. Hiện trạng dân cư trong vùng di tích

Hiện nay, tình trạng dân cư “sống cùng di tích” tại Thừa Thiên Huế là hết sức phổ biến. Riêng trong phạm vi quần thể di tích cung đình thời Nguyễn hiện còn với hầu hết các di tích đã được công nhận là di tích cấp quốc gia và có tên trong Danh mục Di sản Thế giới,⁽⁷⁾ số lượng dân cư cũng hết sức đông đảo. Theo số liệu điều tra năm 2003, chỉ tính trong khu vực bảo vệ I đã có trên 3.200 hộ dân cư với khoảng 15.000 người.

Dưới đây là bảng thống kê về số lượng dân cư sống trong khu vực I di tích vào năm 2003.

a. Khu di tích Kinh Thành

STT	Tên di tích	Số hộ dân năm 2003	Giấy CN QSD đất	Ghi chú
1	Kinh Thành	1995	226	
	Thượng thành	235	4	-Đã được đặc cách công nhận di tích cấp quốc gia (DTQG) ngày 29/4/1979. -Hồ sơ khoanh vùng bảo vệ di tích (BVDT) được ký năm 1991.
	Eo Bầu	570	29	
	Kỳ Đài	0	0	
	Hộ Thành Hào	734	125	
	Phòng lộ Kinh Thành	164	1	

	Tây Nam Môn (cửa Hữu)	28	5	-Bằng công nhận DTQG cấp năm 1997
	Chánh Tây Môn (cửa Chánh Tây)	24	11	
	Tây Bắc Môn (cửa An Hòa)	19	13	
	Chánh Bắc Môn (cửa Hậu)	01	0	
	Quảng Đức Môn (cửa Quảng Đức)	01	0	
	Chánh Đông Môn (cửa Đông Ba)	18	5	
	Thế Nhân Môn (cửa Ngăn)	08	6	
	Đông Nam Môn (cửa Thượng Tứ)	19	8	
	Đông Bắc Môn (cửa Kê Trại)	42	7	
	Chánh Nam Môn (cửa Nhà Đồ)	10	9	
	Trường Định Môn (cửa Trật)	15	3	
	Trần Bình Đài	107	0	
2	Hoàng Thành	01	0	-Đã được đặc cách công nhận DTQG ngày 29/4/1979. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
3	Cơ Mật Viện	02	0	-Đã được công nhận DTQG năm 2004. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
4	Quốc Tử Giám-Di Luân Đường	17	0	-Đã được công nhận DTQG năm 2004. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
5	Điện Long An -Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế	19	01	-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
6	Tôn Nhân Phủ	0		-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
7	Khâm Thiên Giám & Bộ Học	20	01	-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
8	Lục Bộ	223	28	-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
9	Hồ Tịnh Tâm	86	05	-Đã được công nhận DTQG năm 2004. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
10	Tàng Thư Lâu-Hồ Học Hải	106	01	-Đã được công nhận DTQG năm 2004. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
11	Ngự Hà	263	35	-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
12	Đàn Xã Tắc	95	43	-Đã được công nhận DTQG năm 2006. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 2006.
13	Xiển Võ Từ	11	10	-Đã được công nhận di tích cấp tỉnh năm 2006. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 2006.
14	Hệ thống hồ trong Kinh Thành	Chưa điều tra và thống kê	Chưa điều tra và thống kê	41 hồ được khoanh vùng bảo vệ

15	Thương Bạc, Phu Văn Lâu, Nghinh Lương Đình, Miếu Long Thuyền	0	0	-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
16	Đô Thành Hoàng Miếu	09	09	Đã lập hồ sơ xếp hạng di tích, chưa phê duyệt.
Tổng cộng		2.847	359	

b. Lăng tẩm và các khu di tích khác

STT	Tên di tích	Số hộ dân năm 2003	Giấy CN QSD đất	Ghi chú
1	Cụm di tích lăng Gia Long	25		-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
2	Lăng Thiệu Trị	43		-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
3	Lăng Minh Mạng	23		-Đã được đặc cách công nhận DTQG ngày 29/4/1979. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
4	Lăng Khải Định	0		-Đã được đặc cách công nhận DTQG ngày 29/4/1979. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
5	Lăng Tự Đức	19		-Đã được đặc cách công nhận DTQG ngày 29/4/1979. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
6	Lăng Dục Đức	81		-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
7	Cụm di tích lăng Đồng Khánh (gồm cả lăng Đồng Khánh, lăng Kiên Thái Vương, lăng Bà Từ Cung, lăng Bà Thánh Cung...)	0		-Đã được công nhận DTQG năm 1998. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
8	Đàn Nam Giao	68		-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
9	Chùa Thiên Mụ	36		-Đã được công nhận DTQG năm 1996. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
10	Nhà Lưu niệm Bà Từ Cung	02		-Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1998.
11	Cung An Định	15	15	-Đã được công nhận DTQG năm 2006. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 2006.
12	Hồ Quyền - Điện Voi Ré	20	05	-Đã được công nhận DTQG năm 1998. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1998.

13	Lăng Vạn Vạn	03	03	-Đã được công nhận DTQG năm 2006. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 2006.
14	Văn Miếu-Võ Miếu	21		- Văn Miếu đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT Văn Miếu ký năm 1991, hồ sơ Võ Miếu ký năm 1998.
15	Điện Hòn Chén	0		-Đã được công nhận DTQG năm 1998. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1991.
16	Lăng Hiếu Đông	20		-Đã được công nhận DTQG năm 2006. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 2006.
17	Lăng Cơ Thánh	0		-Đã được công nhận DTQG năm 1997. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1997.
18	Cụm di tích lăng chúa Nguyễn Hoàng	0	-	Đã được công nhận DTQG năm 1998. -Hồ sơ khoanh vùng BVDT được ký năm 1998.
TC		376	23	

Như vậy, tổng số hộ dân cư sống trong khu vực I của Kinh Thành và 18 cụm di tích khác⁽⁸⁾ là 3.223 hộ (2.847 + 376). Nếu tính cả toàn bộ số dân cư sống trong khu vực II của di tích thì con số này sẽ rất lớn, ước tính chừng 13-14 vạn người, chiếm hơn 1/3 tổng số dân cư của thành phố Huế.⁽⁹⁾

3.2. Xu thế biến đổi và tác động ảnh hưởng của dân cư trong vùng di tích đối với môi trường khu di tích và đường lối phát triển của địa phương

Rõ ràng là việc có một số lượng rất lớn cư dân sống trong vùng di tích đã tác động mạnh mẽ đến môi trường của khu di tích Huế. Sự tác động này thể hiện trên nhiều khía cạnh.

- Trước hết, dân cư sống trong di tích đã trực tiếp gây ảnh hưởng đến các công trình kiến trúc, làm hư hỏng, tàn phá kiến trúc, thậm chí xóa sổ cả công trình kiến trúc. Thực tế các di tích Kinh Thành (khu vực thượng thành, Eo Bầu), bên trong Hoàng Thành (khu phủ Nội Vụ, cung Trường Sanh, cung Diên Thọ...), khu vực miếu Lịch Đại Đế Vương, miếu Lê Thánh Tôn... đã chứng tỏ điều này.

- Phá hủy môi trường di tích, phá vỡ quy hoạch tổng thể nguyên thủy của di tích. Đây là điều dễ nhận thấy ở tất cả các địa bàn có di tích. Bên trong khu vực Kinh Thành Huế, hơn 80 ngàn dân cư sinh sống đã làm phá vỡ quy hoạch nguyên thủy, phần lớn các khu nhà vườn sum suê đã biến mất hoặc bị thu hẹp; nhà cửa với lối kiến trúc hiện đại, đặc biệt là nhà ống phát triển rất nhanh; trong khi đó tỷ lệ cây xanh, mặt nước luôn có giá trị ngược

chiều với sự phát triển của dân cư. Khu vực Thành Nội trước năm 1945 có gần 50 cái hồ lớn nhỏ, nay chỉ còn hơn 30 với diện tích mặt nước chỉ còn phân nửa. Nhìn trên tổng thể, không ít di tích nằm dọc đôi bờ sông Hương đã và đang bị uy hiếp nghiêm trọng bởi tình trạng dân cư xây cất, lấn chiếm. Chính vì điều này mà trong 4 kỳ họp liên tiếp của Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO (từ kỳ họp thứ 28 đến kỳ họp 31), “*Các vấn đề liên quan đến Khu di sản Huế*” đã được đưa ra diễn đàn thảo luận để tìm cách giải quyết.⁽¹⁰⁾

- *Lấn át và làm thu hẹp không gian di tích*: Các công trình kiến trúc truyền thống của Huế nguyên thủy đều có không gian nền rất rộng nhưng đã bị thu hẹp đi rất nhanh do tình trạng phát triển dân cư. Những khu di tích như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Tự Đức vốn được triều Nguyễn quy hoạch với diện tích hàng trăm hecta, nhưng hiện nay, do tình trạng phát triển dân cư nên việc quy hoạch để bảo vệ (khoanh vùng bảo vệ theo Luật Di sản Văn hóa) chỉ có thể giới hạn trong vài chục hecta, nghĩa là hẹp đi hàng chục lần. Điều đó đã khiến không gian khu di tích bị thu hẹp đi rất nhiều, và dĩ nhiên ảnh hưởng rất lớn đến giá trị nhiều mặt của khu di tích.

Trước thực tế phải quản lý một số lượng rất lớn cư dân sống trong vùng di tích, chính quyền địa phương (cả cấp tỉnh và cấp thành phố) đã có một số chính sách nhằm giải quyết vấn đề này. Chính sách đó chủ yếu gồm 2 nội dung:

- Giải tỏa từng phần tiến tới giải tỏa toàn bộ số lượng dân cư sống trong khu vực I của các di tích.⁽¹¹⁾

- Hạn chế tối đa sự phát triển và từng bước giảm bớt số lượng dân cư sống trong khu vực II của các di tích, đặc biệt là các khu di tích có quy mô lớn như Kinh Thành Huế, các khu lăng tẩm...

Chính quyền địa phương đã có rất nhiều nỗ lực để thực hiện các chính sách trên. Tiêu biểu cho các nỗ lực này là việc đầu tư hàng trăm tỷ đồng để giải tỏa dân cư ở mặt trước Kinh Thành (khu vực Bến Me) và dọc bờ sông Hương từ cầu Bạch Hổ đến chùa Thiên Mụ, mặt nam thượng thành, khu di tích Văn Miếu-Võ Miếu, lầu Tàng Thơ, đàn Xã Tắc...⁽¹²⁾; giải phóng và tái định cư cho một số vạn đồ ở khu vực mặt trước Kinh Thành. Chính quyền thành phố Huế cũng đã ban hành Quy chế xây dựng 4 phường Nội thành (năm 1999) để quản lý việc xây dựng, ngăn chặn việc chia nhỏ nhà vườn và tình trạng phát triển dân cư ồ ạt của 4 phường bên trong Kinh Thành (Thuận Thành, Thuận Hòa, Thuận Lộc và Tây Lộc). Tuy nhiên, so với mục tiêu đề ra thì các kết quả đạt được còn khiêm tốn, thậm chí mục tiêu hạn chế dân cư trong khu vực Kinh Thành đã bị thất bại hoàn toàn.

Số liệu thống kê của Trung tâm BTĐTCD Huế cho thấy, trong vòng 10 năm (1995-2005), dù chính quyền thành phố Huế đã nỗ lực giải tỏa được 361 hộ dân trong khu vực I nhưng số dân cư sống trong khu vực không hề giảm mà tăng thêm khá nhiều, từ 2.331 hộ lên 2.847 hộ, trong đó có đến

359 hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thẻ đỏ). Điều này cho thấy sự thất bại trong chính sách hạn chế dân cư sống trong vùng di tích của chính quyền địa phương.

Hiện nay, do hạn chế về nguồn ngân sách và khó khăn trong việc tìm quỹ đất để tái bố trí dân cư nên công tác giải tỏa dân cư ra khỏi vùng di tích càng gặp nhiều vấn đề phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến các chính sách đầu tư phát triển của địa phương.



Hiện trạng dân cư sống ngay trên thượng thành và khu vực I của Ngự Hà
(Ảnh chụp năm 2006)

Một ví dụ điển hình cho vấn đề này là việc triển khai dự án tiêu thoát nước thải cho thành phố Huế. Chỉ vì những khó khăn trong vấn đề giải tỏa và tái định cư cho hơn 260 hộ dân sống trong khu vực I của Ngự Hà và khoảng hơn 100 hộ dân lấn chiếm trên các hồ ao trong Kinh Thành mà việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước cho phía bờ bắc sông Hương phải chuyển qua giai đoạn II (sau năm 2015) chứ không thể thực hiện trong giai đoạn I (2010-2015) như nguyện vọng của rất nhiều người.⁽¹³⁾

Tình trạng dân cư phát triển nhanh trong khu vực Kinh Thành cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các chính sách của thành phố Huế. Kế hoạch bảo tồn hệ thống nhà rường và nhà vườn bên trong Kinh Thành (với diện tích tối thiểu là 200m²/nhà) để giữ vẻ đẹp cổ kính, hài hòa cho tổng thể khu vực này hầu như không thực hiện được. Nhà rường đã mất đi rất nhanh và thay bằng nhà xây bê tông, nhà vườn bị xẻ nhỏ nên cũng mất đi sắc thái truyền thống. Bên cạnh đó, tình trạng dân cư sống trong khu vực di tích cũng ảnh hưởng lớn đến việc quản lý, thu hồi và trùng tu các di tích. Tuy dự án *Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô, 1996-2020* (bản đang đề nghị điều chỉnh) có đưa ra mục tiêu giải tỏa toàn bộ dân cư trong khu vực I di tích, nhưng để điều đó trở thành hiện thực thì sẽ còn rất xa.

4. Một số suy nghĩ và đề xuất

4.1. Dân cư sống trong vùng di tích là một hiện tượng lịch sử xã hội phổ biến trên toàn thế giới, nhưng ở mỗi quốc gia, mỗi vùng miền lại có những nét đặc thù. Thừa Thiên Huế là một vùng đất có lịch sử lâu đời với nền văn hóa phong phú và có một quần thể di tích rất đa dạng, nhưng cũng vì thế mà số lượng dân cư sống trong vùng di tích cũng rất lớn, chỉ tính riêng ở thành phố Huế đã có hơn 1/3 dân số thuộc phạm vi này. Chính vì vậy, đây

là một vấn đề cần được đầu tư nghiên cứu một cách công phu để từ đó có thể đưa ra những chính sách giải quyết phù hợp.

Điều đáng nói là trong quy hoạch phát triển tổng thể của tỉnh và của thành phố Huế (gồm cả quy hoạch ngắn, trung và dài hạn), vấn đề trên hầu như không được đề cập. Vấn đề di tích, di sản chỉ được đề cập trong các quy hoạch chuyên ngành, vì thế, chúng thường được xem như là quy hoạch dành riêng cho những người làm công tác di tích. Rõ ràng đây là một khiếm khuyết rất lớn mà những người xây dựng quy hoạch và chính sách cần khắc phục.⁽¹⁴⁾

4.2. Cách đây 12 năm, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 105TTg phê duyệt dự án *Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996-2010*. Tỉnh ủy tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã có Nghị quyết số 06-NQ/TV ngày 20/01/1998 và Nghị quyết 04 ngày 30/7/2001 về việc tổ chức thực hiện dự án trên. Tuy nhiên, có một thực tế là không chỉ trong các quy hoạch phát triển của tỉnh không đưa dân cư trong vùng di tích vào nghiên cứu xem xét như một đối tượng quan trọng cần có giải pháp phù hợp mà ngay cả chính quyền các cấp và các ban ngành liên quan đều ít xem trọng vấn đề này. Bên cạnh đó, áp lực của công cuộc đô thị hóa và nhu cầu phát triển nhanh đã khiến họ vô tình hoặc cố ý bỏ qua vấn đề trên. Chính vì vậy, hiện tượng xâm phạm di tích của các công trình phục vụ dân sinh hay phát triển kinh tế đã và đang diễn ra rất phổ biến. Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO đã hơn một lần đưa vấn đề này của Thừa Thiên Huế ra thảo luận và sau đó đã có các khuyến nghị cụ thể nhằm giúp chính quyền kiểm soát được tình hình và có những giải pháp phù hợp.⁽¹⁵⁾

4.3. Xét cho cùng, thực chất của các vấn đề trên vẫn là câu chuyện về cách giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển. Với nhu cầu phát triển nhanh như hiện nay tại một địa phương có quần thể di sản phong phú như Thừa Thiên Huế thì mâu thuẫn đó đương nhiên sẽ càng ngày càng gay gắt.

Giải quyết vấn đề dân cư sống trong vùng di tích cũng là một trong những vấn đề then chốt để giải quyết mâu thuẫn trên.

Theo tôi, vấn đề hoàn toàn có thể giải quyết được.

Thuận lợi trước hết là lãnh đạo tỉnh, thành phố đã nhìn nhận rõ những ưu thế của Huế để vạch ra đường lối phát triển. Ngành du lịch, dịch vụ dựa trên ưu thế to lớn về di sản và văn hóa truyền thống đã được xem là ngành kinh tế chủ đạo để phát triển kinh tế-xã hội (từ đường lối phát triển với cơ cấu *Công nghiệp-Nông nghiệp-Dịch vụ* đã chuyển qua cơ cấu *Dịch vụ-Công nghiệp-Nông nghiệp*). Chính vì vậy việc quy hoạch đúng để toàn bộ hoặc một bộ phận lớn dân cư sống trong vùng di tích được hưởng lợi trực tiếp từ công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích là điều vô cùng quan trọng. Nhân dân sống trong vùng di tích có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh tất cả những quy định về bảo vệ di sản, nhưng đồng thời họ phải được hưởng lợi từ chính di sản (như quyền được tham gia khai thác các dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng, sản xuất và buôn bán đồ lưu niệm...). Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan phải tạo điều kiện cho người dân sống trong vùng di tích bằng việc công bố một quy hoạch rõ ràng cùng

những quy định chặt chẽ về quyền lợi, nghĩa vụ của tất cả những người sinh sống trong khu vực này.⁽¹⁶⁾

Bên cạnh đó cần phải có một cái nhìn đổi mới, linh hoạt về vấn đề dân cư sống trong vùng di tích. Không phải đối với bất cứ di tích nào, hễ có dân cư sống trong khu vực đó thì đều đặt vấn đề phải giải tỏa và đưa họ đi nơi khác, và cũng không thể dùng thuật ngữ “xâm phạm di tích” đối với mọi đối tượng dân cư sống trong khu vực di tích. Trên thực tế, có không ít bộ phận dân cư đã gắn bó với các di tích từ rất lâu đời và bản thân họ cũng là một phần của lịch sử, như dân cư Thành Nội, cư dân ở kề cận một số khu lăng tẩm của triều Nguyễn... Nếu được quy hoạch tốt và tạo điều kiện nhất định cho người dân, thì chính họ sẽ tham gia bảo vệ di tích, cải thiện môi trường di tích và làm cho di tích ấy trở nên sống động, hấp dẫn hơn. Có thể đưa ra dưới đây 2 trường hợp cụ thể:

- *Trường hợp 1:* Đối với hơn 500 hộ dân hiện đang sống trong các Eo Bàu của 4 mặt Kinh Thành (Khu vực I di tích), không nhất thiết phải giải tỏa toàn bộ hoặc phần lớn họ đi nơi khác mà chỉ cần quy hoạch lại để giảm bớt số lượng cùng việc ban bố những hướng dẫn cụ thể (về quy cách nhà cửa, vườn, hàng rào, cây xanh...) và tổ chức lại thành từng tổ dân phố theo cơ chế tự quản, tự chịu trách nhiệm thì họ vẫn có thể sinh sống tại đây (trừ mặt nam sẽ giải tỏa toàn bộ). Việc những hộ dân sống trong khu vực này (đúng quy cách và phù hợp với cảnh quan của Kinh Thành) *sẽ góp phần làm Kinh Thành đẹp và hấp dẫn hơn*. Bên cạnh đó, họ có nghĩa vụ tham gia bảo vệ tường thành và cảnh quan, vệ sinh môi trường và được quyền khai thác một số dịch vụ (ăn uống, bán hàng lưu niệm cho du khách). Nhà nước sẽ giảm bớt được áp lực phải giải tỏa hàng trăm hộ dân cư và tiết kiệm được rất nhiều kinh phí, nhân lực cho công tác bảo vệ và vệ sinh môi trường cho cả một vòng tường thành dài khoảng 10km.

- *Trường hợp 2:* Đối với một số hộ dân có nguồn gốc lâu đời sống trong khu vực I và II của các lăng Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và cụm lăng Tự Đức - Đồng Khánh (đa số là con cháu của những người lính hộ lăng thời Nguyễn) thì nên cho phép họ sinh sống tại đây nhưng với những quy định chặt chẽ, cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ. Ngoài nghĩa vụ phải chấp hành các quy định về bảo vệ di tích họ sẽ được quyền khai thác các dịch vụ du lịch, được ưu tiên trong việc trồng rừng, đặc biệt là trồng các loại gỗ quý quanh các khu lăng để về sau cung cấp cho việc trùng tu di tích. Nếu được như vậy, thì chính những người dân này sẽ là những “lính hộ lăng” trung thành và tích cực không kém các thế hệ ông cha của họ.

Trên đây chỉ là một số ý kiến rút ra từ kinh nghiệm quản lý các di tích của cá nhân. Thực chất vấn đề dân cư trong vùng di tích là một vấn đề rất lớn, cần có sự nghiên cứu và thảo luận kỹ càng. Bài viết này hy vọng sẽ gây được sự chú ý của các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và những người liên quan đối với một vấn đề rất đặc thù của Huế.

Thang 7/2008

P T H

CHÚ THÍCH

- (1) Ngoài dân cư thì bên trong Kinh Thành được quy hoạch thành nhiều khu vực chức năng. Khu trung tâm lệch về nam là Hoàng cung triều Nguyễn (gồm Hoàng Thành và Tử Cấm Thành). Phía đông là công sở các cơ quan của triều đình, phía đông bắc là các kho tàng, phía bắc là các vườn ngự và cung điện riêng của nhà vua, phía tây và tây bắc là các đàn tế, chùa, miếu.
- (2) Eo Bầu là khái niệm chỉ khoảng không gian giới hạn trong phần lõm (bên trong) của các pháo đài thuộc Kinh Thành. Kinh Thành Huế có 24 Eo Bầu nằm bên trong 24 pháo đài. Căn cứ vào kết quả điều tra của chúng tôi đối với dân cư sống trong khu vực thượng thành và Eo Bầu, những hộ dân có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất được cấp sớm nhất cũng đã vào đầu thế kỷ XX, chủ yếu là trong thời Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1925-1945).
- (3) Lực lượng lính hộ lăng rất đông đảo và thuộc sự quản lý của Vệ Hộ Lăng. Theo Vĩnh Cao, tại mỗi lăng các chúa và các phi (vợ chúa) có hơn 20 lính hộ lăng, lăng Gia Long có đến 100, lăng Minh Mạng 100, lăng Thiệu Trị và lăng Hiếu Đông hơn 300, lăng Tự Đức hơn 200... Nhiều người đã lập gia đình và định cư xung quanh khu vực lăng và dần trở thành cư dân sống ngay trong vùng bảo vệ của các khu lăng tẩm này (Vĩnh Cao, 1998, tr 5-6).
- (4) Kết quả điều tra tình hình dân cư sống quanh các khu vực di tích của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (các năm 1990-1991, 1993, 1997, 2001 và 2003) cho thấy, ngoài cư dân có nguồn gốc từ lính hộ lăng còn có dân cư các vùng lân cận chuyển tới sinh sống, sau đó lập thành các làng mạc. Bản thân lính hộ lăng cũng có phần được tuyển từ dân các xã vùng lân cận lăng.
- (5) Ngày 29/4/1979, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ra quyết định công nhận đặc cách 04 khu di tích của Huế là Đại Nội, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức và lăng Khải Định thành di tích cấp quốc gia.
- (6) Do khả năng có hạn, công tác điều tra dân cư trong vùng di tích chỉ có thể tiến hành trong phạm vi khoanh vùng bảo vệ I. Trên thực tế, nhiều khu di tích được xác định khu vực bảo vệ II rất rộng với số lượng dân cư rất lớn, như toàn bộ diện tích bên trong Kinh Thành Huế rộng khoảng 520ha, ngoài những vùng thuộc khu vực I thì đều thuộc khu vực II, mà chỉ riêng dân cư sống trong Kinh Thành đã có hơn 80 ngàn người (năm 2007).
- (7) Theo quyết định phân cấp quản lý năm 2006 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Trung tâm BTĐTCĐ Huế trực tiếp quản lý hoặc quản lý về chuyên môn 35 cụm di tích kiến trúc cung đình Nguyễn. Gần như tất cả các di tích này đều đã được công nhận là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, trong số đó có 17 cụm di tích đã được ghi tên vào Danh mục Di sản Thế giới của UNESCO năm 1993.
- (8) Hiện nay, một số cụm di tích mới được giao cho Trung tâm quản lý như đình Phú Xuân, Thanh Bình Từ Đường, phủ thờ và lăng mộ Tuy Lý Vương, phủ thờ Tôn Thất Thuyết, chùa Thánh Duyên, công tác điều tra tình trạng dân cư chưa được tiến hành. Tuy nhiên, theo báo cáo sơ bộ của các đơn vị chủ quản, tình hình dân cư sống trong khu vực I của các di tích này cũng khá đông đảo và hiện tượng dân cư lấn chiếm vùng di tích đang diễn ra rất gay gắt.
- (9) Theo ước tính, bên trong khu vực Kinh Thành hiện nay đã có hơn 8 vạn người, bên ngoài Kinh Thành có khoảng 2 vạn người sống trong khu vực I và II của di tích; cộng thêm khoảng 3-4 vạn người sống trong khu vực I và II của các di tích cung đình khác thì tổng số dân cư sống trong vùng di tích của Huế có khoảng 13-14 vạn người, chiếm hơn 1/3 dân cư của thành phố (33 vạn người).
- (10) Kỳ họp lần thứ 31 của Ủy ban Di sản Thế giới (UBDSTG) thuộc UNESCO tổ chức từ 23/6 đến 2/7/2007 tại Christchurch, New Zealand đã nêu ra "*Các vấn đề liên quan đến Khu di sản Huế*" như sau:
...UBDSTG lưu ý nước thành viên và các cơ quan quản lý Khu di sản Huế cần quan tâm và triển khai các hoạt động theo khuyến nghị của Nhóm công tác phối hợp WHC/

ICOMOS về tiếp tục hoạt động di dời những công trình nhà ở nằm trong khu vực lõi của di sản một cách đồng bộ và có quan tâm đến đời sống của dân tái định cư, về khả năng điều tra mở rộng phạm vi khu vực bảo vệ di sản; xem xét việc tạm ngừng các hoạt động xây dựng công trình và cơ sở hạ tầng lớn nằm trong các khu vực đệm dự kiến mở rộng để dự kiến trước việc đề cử lại Di sản Huế theo tiêu chí cảnh quan văn hóa; về việc lập một kế hoạch quản lý toàn diện Khu di sản; về việc có kế hoạch hành động nhằm giảm thiểu tiếng ồn ở đường tránh gần làng Minh Mạng và Khải Định...

Trong chuyến công tác phối hợp TTDSTG-ICOMOS được thực hiện theo yêu cầu của UBDSTG (Quyết định 30 COM 7B.XX) gồm ông Giovanni Boccardi (Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO) và ông William Logan (ICOMOS), bốn vấn đề của di sản Huế đã được UBDSTG xác định và cần được xem xét, bao gồm:

- Di dời các công trình xây dựng trái phép trong vùng lõi của khu vực di sản thế giới;
- Điều tra thống kê công trình truyền thống;
- Tiến trình thực hiện chuẩn bị cho một bản kế hoạch quản lý tổng thể;
- Bản đánh giá tác động môi trường đối với đề án khu du lịch nghỉ mát ở đồi Vọng Cảnh.

- (11) Trong dự án Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, 1996-2010, cũng nêu rõ mục tiêu phải giải tỏa toàn bộ dân cư sống trong khu vực I các di tích. Hiện nay, Trung tâm BTĐTCĐ Huế phối hợp với các bộ ngành liên quan tiến hành điều chỉnh dự án trên (đến năm 2020). Dự kiến mức đầu tư để giải quyết vấn đề này cũng rất lớn, riêng cho 18 khu di tích cung đình là 506,16 tỷ đồng (gần 32 triệu USD).
- (12) Không kể chi phí giải tỏa dân cư khu vực Bến Me và Hộ Thành Hào, kinh phí để giải tỏa 55 hộ dân ở một phần mặt nam thượng thành (từ cửa Thượng Tứ đến cửa Nhà Đồ) đã là 12 tỷ đồng; chi phí để giải tỏa 7 hộ dân trong khu vực I của đàn Xã Tắc là 1,065 tỷ đồng; khu vực Văn Miếu-Võ Miếu là 2 tỷ đồng; khu lầu Tàng Thơ là 1 tỷ... (số liệu của Ban quản lý Dự án-Trung tâm BTĐTCĐ Huế). Ngày 5/5/2008, UBND tỉnh TTH đã quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ chỉnh trang tôn tạo thượng thành, Eo Bàu (phần phía nam), sông Ngự Hà và khu phố cổ Bao Vinh, riêng phần kinh phí này là 18,99 tỷ đồng (Theo Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 5/5/2008 của UBND tỉnh).
- (13) Từ năm 2006, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xúc tiến dự án đầu tư xây dựng hệ thống tiêu thoát nước thải cho toàn thành phố với nguồn vốn là 20.883 triệu Yên Nhật (360 triệu USD) dự kiến vay ODA của ngân hàng JBIC (Nhật Bản). Dự án này sẽ chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn I (2008-2016) và Giai đoạn II (2016-2020). Ban đầu Trung tâm BTĐTCĐ Huế đề nghị giai đoạn I nên thực hiện ở bờ bắc sông Hương để kịp thời giải quyết vấn đề ngập lụt, bảo vệ dân cư và di sản, nhưng vì một số khó khăn chủ quan, nhất là việc giải tỏa dân cư trong vùng di tích nên phải chấp nhận chuyển việc triển khai dự án qua giai đoạn II. Nhưng khả năng thực hiện được dự án trong giai đoạn II là rất thấp.
- (14) Quy hoạch tổng thể Thừa Thiên Huế đến năm 2020 (đã được phê duyệt) và quy hoạch định hướng đến 2025 (đang thảo luận) của Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn đều không hề đề cập đến vấn đề dân cư trong vùng di tích và xem đó như một vấn đề cần phải quy hoạch.
- (15) Từ kỳ họp lần thứ 28 của UNESCO tại Tô Châu (Trung Quốc) năm 2004, vấn đề của Thừa Thiên Huế đã được nêu lên (Quyết định số 28.COM 15B.61, chủ yếu căn cứ trên báo cáo khảo sát của chuyên gia UNESCO là KTS Laurent Rampon). Từ đó đến nay, vấn đề này vẫn luôn được đề cập trong các kỳ họp thường niên của tổ chức này. Gần đây, sau khi cử chuyên gia qua khảo sát thực tế tại Huế, UNESCO lại đưa ra bản khuyến nghị mới. Nội dung các khuyến nghị của UNESCO chủ yếu nhằm vào các vấn đề sau: Sự phát triển ồ ạt và không kiểm soát được của hệ thống cơ sở hạ tầng (chủ yếu là đường sá, cầu cống) trong các khu đô thị cổ hay vùng phụ cận di tích trong những năm gần đây; thiếu một sự kiểm kê đánh giá tổng thể và thiếu một quy hoạch tổng thể cho khu di tích Huế; vấn đề kiểm soát số lượng dân cư và giải tỏa dân cư ra khỏi vùng di tích...

- (16) Thiếu một quy hoạch tổng thể để giúp cho việc quản lý Khu di sản Huế chính là điều bất cập của Thừa Thiên Huế hiện nay. Trong các khuyến nghị gần đây của UNESCO đều nêu lên vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tào, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tập 1 (Kinh Sư, Thừa Thiên Phủ).
2. Quyết định 105 TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 12/2/1996 về phê duyệt *Dự án Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, 1996-2010*.
3. Vĩnh Cao. “Bảo vệ và gìn giữ lăng tẩm dưới triều Nguyễn”, tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ* (nay là tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*), Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế, số 4/1998.

TÓM TẮT

Dân cư sống trong vùng di tích là một vấn đề lớn của nhiều địa phương tại Việt Nam hiện nay. Riêng với Huế, vấn đề này càng có ảnh hưởng to lớn do đây là một đô thị lịch sử với những hệ thống di tích dày đặc. Dân cư sống trong vùng di tích của Huế không những có số lượng lớn, phân bố trong không gian rộng mà còn có một lịch sử hình thành rất đặc thù. Vấn đề dân cư trong vùng di tích cũng có tác động không nhỏ đến môi trường khu di tích Huế và chính sách phát triển của chính quyền địa phương. Bài viết này là một nghiên cứu bước đầu về lịch sử hình thành, hiện trạng, những xu thế biến đổi của cư dân trong vùng di tích của đô thị Huế nhìn trong sự tác động của nó đối với môi trường và chính sách phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên cơ sở đó, người viết cũng nêu lên một số suy nghĩ cùng những giải pháp cho vấn đề trên.

ABSTRACT

INHABITANTS IN THE RELIC AREA: HISTORY, CONTEMPORARY SITUATION AND IMPACT ON ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT POLICY OF THỪA THIÊN HUẾ

The inhabitant living in the relic area is a big problem in many localities of present Vietnam. In Huế properly, this is a strongly influential issue since Huế is a historical city with a great relic system. The population is dense lying in a large area with a particular forming history. The number of people existing here influences much on the relic area's surrounding environment as well as on the local government policies. This piece of writing is the initial research on the forming history, the current state, and the changing tendencies of inhabitants within relic area of Huế city. It also mentions the impact between the relic area and the environment together with Huế developing policy. Basing on some achievements, we would like to reflect some of our opinions as well as solutions for the above problems.

The writing comprises three main parts namely:

1. The inhabitant forming history in the relic area.
2. Current state, changing tendency and the impact between the relic area and the environment together with the developing policy of Thừa Thiên Huế province.
3. Opinions and solutions.